

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/DS-ST  
Ngày: 09-9-2020  
V/v “Tranh chấp về hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thái Văn Lộc;  
Ông Đào Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc H (tên gọi khác: M), sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, Phường 4, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị Mai Quỳnh L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: 688/56, T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú hiện nay: Tổ 9, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Cao Minh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 8/82, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020) (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phan Trung D, sinh năm 1969 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày **03/02/2020** và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – *Chị Trần Thị Ngọc H* trình bày:

Giữa chị với vợ chồng Chị Mai Quỳnh L và Anh Phan Trung D là bạn bè, quen biết cách nay khoảng 6, 7 năm, không họ hàng. Anh D làm nghề kinh doanh thuốc tây khoảng mấy chục năm từ khi còn chung sống với người vợ đầu. Chị L bắt đầu chung sống với Anh D từ khi có con chung đầu. Còn việc Chị L về sống chung với Anh D và kinh doanh dịch vụ Spa tại nhà của Anh D từ thời gian nào thì chị không biết.

Tháng 9/2019, chị cho Chị L vay nhiều lần với tổng số tiền 600.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền Chị L có viết giấy và giao cho chị giữ. Tại thời điểm này, Chị L có giao cho chị giữ bản sao chứng thực của giấy chứng minh nhân dân; bản sao trích lục kết hôn; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam PGD Lê Văn Sỹ xác nhận, do bản chính đang lưu giữ tại Ngân hàng cùng bản chính sổ hộ khẩu.

Đến đầu tháng 11/2019 Chị L chuyển nhượng phần đất là tài sản riêng của Chị L và trả cho chị được 350.000.000 đồng thì Chị L yêu cầu chị trả lại sổ hộ khẩu và chị đã trả lại sổ hộ khẩu bản chính cho Chị L. Nên Chị L còn nợ lại chị 250.000.000 đồng. Chị L hẹn trong thời hạn 10 ngày, sau khi hết hạn sẽ trả lại cho chị số tiền 250.000.000 đồng, nhưng sau đó Chị L không trả. Do đó, ngày 15/11/2019 chị yêu cầu Chị L đến Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn để lập hợp đồng vay tài sản. Tất cả các giấy tay Chị L viết khi vay tiền chị đã hủy tại thời điểm Chị L trả 350.000.000 đồng và tại thời điểm hai bên lập hợp đồng vay tài sản.

Ngày 15/11/2019, tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn, hai bên thỏa thuận Chị L trả trước cho chị số tiền 50.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày lập hợp đồng đến ngày 15/12/2019. Số tiền 200.000.000 đồng còn lại, Chị L hứa trả trong thời hạn 1,5 tháng từ ngày lập hợp đồng đến ngày 30/01/2020.

Về lãi suất cho vay thì tại thời điểm vay, hai bên không thỏa thuận lãi suất mà thỏa thuận khi nào Chị L chuyển nhượng đất trả lại tiền cho chị và muốn trả cho chị bao nhiêu tiền lãi thì trả. Nhưng thực tế kể từ ngày vay, bao gồm các lần vay trước, Chị L không trả cho chị số tiền lãi nào. Đến ngày 15/11/2019, hai bên lập hợp đồng vay tài sản cho số tiền vay Chị L còn nợ lại, hai bên thỏa thuận lãi suất là 0%.

Về thời hạn trả tiền thì tại thời điểm tháng 9/2019, Chị L thỏa thuận trong thời hạn 02 tháng (tháng 11/2019) sẽ trả, đến hạn Chị L chỉ trả được 350.000.000 đồng. Số tiền còn lại 250.000.000 đồng, đến ngày 15/11/2019, hai bên lập hợp đồng vay tài sản thì thỏa thuận thời hạn trả của số tiền 50.000.000 đồng là 01 tháng và thời hạn trả của số tiền 200.000.000 đồng là 1,5 tháng. Đến hạn trả của 02 hợp đồng vay, Chị L không trả được cho chị số tiền vay gốc nào.

Nay chị xác định Anh D không tham gia vào việc ký kết hợp đồng vay tài sản nào giữa chị với Chị L, mà việc ký kết hợp đồng chỉ do chị và Chị L thực hiện. Quá trình sau khi vay tiền, Chị L cũng tự trả tiền cho chị từ nguồn tiền **Chị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản riêng của Chị L**, Anh D không cùng Chị L trả tiền cho chị. Lý do chị không nói và không cho Anh D ký tên vào các giấy vay tiền cũng như Hợp đồng vay tiền giữa chị với Chị L, là do chị nghĩ khi Chị L vay tiền của chị, Chị L nói **mục đích vay tiền là đóng tiền Ngân hàng, mua xe ô tô trả góp, chi tiêu trong gia đình và trả tiền kinh doanh thuốc tây của Anh D**, nên Chị L sẽ nói với Anh D.

Chị thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm được lưu trong USB do phía Chị L cung cấp là giọng nói của chị và Chị L, nhưng toàn bộ số tiền chị khởi kiện yêu cầu Chị L và Anh D trả thì toàn bộ là tiền gốc, không bao gồm tiền lãi.

Nay chị yêu cầu Chị Mai Quỳnh L và Anh Phan Trung D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền vay gốc 250.000.000 đồng, không tính lãi.

*Bị đơn – Chị Mai Quỳnh L và người đại diện theo ủy quyền của Chị L là Anh Cao Minh T trình bày:*

Anh Cao Minh T thống nhất với lời trình bày của Chị Trần Thị Ngọc H về thời gian và số tiền vay được thể hiện trong 02 hợp đồng vay tài sản được lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Gia Thôn. Tuy nhiên, về thời gian hai bên bắt đầu giao dịch vay tiền và số tiền vay cụ thể như sau:

**Ngày 01/10/2019, chị H cho Chị Mai Quỳnh L vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 09/11/2019 chị H cho Chị L vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 250.000.000 đồng.** Trong tổng số tiền 250.000.000 đồng vay này chỉ có 80.000.000 đồng là tiền vay gốc; 18.000.000 đồng là tiền cò (do chị H vay của người khác cho Chị L vay lại); còn lại 152.000.000 đồng là tiền lãi chưa đóng cộng dồn vào thành tiền gốc. Chị H cho Chị L vay với mức lãi suất 30%/tháng. Về thời hạn vay của số tiền 200.000.000 đồng là 04 tháng; thời hạn vay của số tiền 50.000.000 đồng là 1,5 tháng kể từ ngày vay.

Tại thời điểm vay hai bên lập giấy tay, giấy do Chị L viết và giao cho chị H giữ. Đến ngày 15/11/2019, chị H và Chị L mới lập hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng công chứng Nguyễn Gia Thôn cho 02 khoản vay trên. Đến hạn trả tiền theo hợp đồng, Chị L chưa trả được cho chị H số tiền vay gốc nào.

Về số tiền 152.000.000 đồng thì Chị L cho rằng là tiền lãi Chị L chưa đóng và chị H đã cộng dồn vào thành tiền gốc, chị H nhận lãi với mức 30%/tháng thì Chị L chỉ trình bày miệng, không có chứng cứ gì để chứng minh.

Mục đích Chị L vay tiền của chị H là để kinh doanh dịch vụ Spa do Chị L làm chủ. Việc Chị L vay tiền của chị H, Anh Phan Trung D không biết. Vì Chị L không nói và chị H cũng không thông báo cho Anh D biết. Anh D hiện đang kinh doanh thuốc tây tại nhà. Việc kinh doanh dịch vụ Spa của Chị L bị thua lỗ nên mọi chi tiêu trong gia đình chủ yếu từ việc kinh doanh thuốc tây của Anh D. Khi Chị L vay tiền của chị H thì Chị L không nói cho Anh D biết, do Anh D không đồng ý cho Chị L kinh doanh dịch vụ Spa.

Nay Chị L chỉ đồng ý trả cho chị H 80.000.000 đồng tiền vay gốc cùng tiền lãi suất với mức 10%/năm từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: **đối với số tiền vay 200.000.000 đồng thì tính lãi kể từ ngày 01/10/2019; đối với số tiền vay 50.000.000 đồng thì tính lãi kể từ ngày 09/11/2019.**

**Tại phiên tòa, anh T trình bày:** Nay Chị L chỉ đồng ý trả cho chị H 80.000.000 đồng tiền vay gốc cùng tiền lãi suất với mức 10%/năm từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể: **đối với số tiền vay 60.000.000 đồng thì tính lãi kể từ ngày 01/10/2019; đối với số tiền vay 20.000.000 đồng thì tính lãi kể từ ngày 09/11/2019.**

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Anh Phan Trung D trình bày:*

Anh biết Chị Trần Thị Ngọc H do Chị Mai Quỳnh L và chị H trước đây là bạn thân của nhau. Chị L và anh là vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau. Chị L về sống chung nhà với anh cách nay khoảng 02 năm. Thời gian đầu chung sống Chị L không làm việc gì nhưng đến khoảng tháng 02/2019 Chị L mở dịch vụ Spa tại nhà của anh, vốn kinh doanh Chị L nói do mẹ ruột của Chị L cho, anh không có vốn nên khi Chị L có ý định anh khuyên Chị L không nên mở dịch vụ.

Quá trình chung sống Chị L không phụ anh chi phí lo cho gia đình và các con, Chị L chỉ phụ anh mua được bộ bàn ghế và một số vật dụng trong nhà. Mọi chi tiêu sinh hoạt hàng ngày trong gia đình và trả lãi cho Ngân hàng đối với khoản tiền anh vay để xây dựng nhà vào năm 2017 là từ tiền kinh doanh thuộc tay của anh.

Việc Chị L vay tiền của chị H vào ngày 15/11/2019 anh không biết. Vào cuối năm 2019 chị H có đến nhà, anh hỏi thì chị H nói đến để làm đẹp do Chị L kinh doanh dịch vụ spa. Chị L cũng không nói cho anh biết việc Chị L vay tiền của chị H và vay tiền để sử dụng vào việc gì. Chị L vay tiền của chị H thì hai bên tự giải quyết với nhau. Anh không biết việc vay tiền giữa hai bên nên anh không đồng ý cùng Chị L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền 250.000.000 đồng, không tính lãi theo yêu cầu của chị H.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Chị Trần Thị Ngọc H. Buộc Chị Mai Quỳnh L và Anh Phan Trung D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền vay gốc 250.000.000 đồng, không tính lãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

**\* Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại: Tổ 9, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Chị Mai Quỳnh L vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là Anh Cao Minh T có mặt tại phiên tòa. Anh Phan Trung D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị L Và Anh D.

**\* Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi của Chị Trần Thị Ngọc H thì thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía bị đơn thừa nhận: Hai hợp đồng vay tài sản ngày 15/11/2019 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn được lập giữa chị H và Chị Mai Quỳnh L. Tuy nhiên, Chị L không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của Hạnh. Vì Chị L cho rằng trong tổng số tiền 250.000.000 đồng chỉ có 80.000.000 đồng là tiền vay gốc, trong đó 60.000.000 đồng là tiền vay gốc của ngày 01/10/2019 và 20.000.000 đồng là tiền vay gốc của ngày 09/11/2019; số tiền còn lại gồm: 18.000.000 đồng là tiền cò do chị H vay của người khác cho Chị L vay lại; 152.000.000 đồng là tiền lãi chưa đóng cộng dồn vào thành tiền gốc. Về tiền lãi thì chị H cho Chị L vay với mức 30%/tháng. Nên nay Chị L chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền gốc 80.000.000 đồng cùng tiền lãi với mức 10%/năm kể từ ngày **01/10/2019 của số tiền vay 60.000.000 đồng và kể từ ngày 09/11/2019 của số tiền vay 20.000.000 đồng** đến ngày xét xử sơ thẩm. Chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bị đơn là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa hai bên, được lưu trong USB mà bị đơn đã giao nộp cho Tòa án và đã gửi văn bản diễn giải nội dung cho nguyên đơn.

[2] Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Chị H thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm do bị đơn cung cấp là của chị H và Chị L. Tuy nhiên, cuộc nói chuyện giữa hai bên được thể hiện trong đoạn ghi âm không liên quan đến số tiền vay 250.000.000 đồng mà chị đã khởi kiện. Toàn bộ số tiền chị khởi kiện là tiền vay gốc, nên chị không đồng ý với lời trình bày của phía bị đơn.

[3] Phía bị đơn chỉ trình bày miệng về việc chị H cho Chị L vay tiền với mức lãi suất 30%/tháng, trong số tiền 250.000.000 đồng chỉ có 80.000.000 đồng



là tiền vay gốc. Trong đoạn ghi âm do bị đơn cung cấp không thể hiện nội dung nào chị H thừa nhận trong số tiền 250.000.000 đồng chỉ có 80.000.000 đồng là tiền vay gốc, và đã nhận tiền lãi của Chị L với mức 30%/tháng.

[4] Tại phiên tòa, anh T cung cấp cho Hội đồng xét xử hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng công chứng Nguyễn Gia Thôn ngày 15/11/2019 của số tiền vay 350.000.000 đồng và cho rằng đây là chứng cứ chứng minh việc chị H nhận tiền lãi của Chị L với mức 30%/tháng. Chị H thừa nhận có hợp đồng vay này giữa chị và Chị L nhưng hai bên đã thanh toán xong không liên quan gì đến vụ án này. Và chị không có nhận của Chị L số tiền lãi nào nên chị không đồng ý theo lời trình bày của anh T là chị đã nhận của Chị L lãi suất với mức 30%/tháng. Phía anh T trình bày chứng cứ này Chị L đã giao cho anh trước phiên họp kiểm tra việc gia nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

[5] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích về quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ của đương sự nhưng tại phiên họp phía bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Thấy rằng hợp đồng do anh T giao nộp tại Tòa thể hiện lãi suất là 0%. Tại mặt sau của hợp đồng có ghi nội dung “...lãi đã trả trước 30%/tháng” anh T trình bày nội dung này do Chị L ghi. Do đó, xét thấy lời trình bày của chị H là có cơ sở. Nên Hội đồng xét xử không xem xét chứng cứ này do bị đơn giao nộp tại Tòa. Nên **tại phiên tòa, bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ mới nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.**

[6] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu Anh Phan Trung D có nghĩa vụ liên đới cùng Chị L trả tiền cho chị thì thấy rằng: Anh D không đồng ý liên đới cùng Chị L có nghĩa vụ trả tiền theo yêu cầu của chị H. Vì anh cho rằng, **việc giao dịch vay tiền giữa chị H với Chị L, anh hoàn toàn không biết do chị H và Chị L không nói. Mục đích Chị L vay tiền của chị H để làm gì thì anh cũng không biết. Chị L không phụ giúp anh chi phí nào trong gia đình, nên mọi chi tiêu hàng ngày trong gia đình và lo cho các con chung từ tiền kinh doanh thuốc tây của anh.**

[7] Phía bị đơn trình bày: Mục đích Chị L vay tiền của chị H là để kinh doanh dịch vụ Spa, nhưng do việc kinh doanh bị thua lỗ, mọi chi tiêu trong gia đình chủ yếu từ việc kinh doanh thuốc tây của Anh D. Khi vay tiền của chị H thì Chị L không nói cho Anh D biết.

[8] Tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 ... của Luật này.*”. Tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.*”. Và tại khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định: “*Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”.

[9] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H trình bày: Chị và Chị L bắt đầu giao dịch vay tiền với nhau từ tháng 9/2019, Chị L vay tiền của chị nhiều lần với tổng số tiền 600.000.000 đồng. Đầu tháng 11/2019, Chị L chuyển nhượng phần đất là tài sản riêng của Chị L và trả cho chị được số tiền 350.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng, nên đến ngày 15/11/2019, hai bên đến Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn để lập hợp đồng vay tài sản. Quá trình giao dịch vay tiền giữa chị với Chị L thì chị không nói cho Anh D biết và cũng không cho Anh D ký tên vào các giấy nợ tại các lần vay cũng như ký tên vào các Hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn. Anh D làm nghề kinh doanh thuốc tây cách nay khoảng mấy chục năm khi còn sống chung với vợ trước. Nhưng do chị nghĩ Chị L vay tiền của chị mục đích là **để đóng tiền Ngân hàng, mua xe ô tô trả góp, chi tiêu trong gia đình và trả tiền kinh doanh thuốc tây của Anh D** và Chị L nói cho Anh D biết, nên Chị L và Anh D phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho chị. Nhưng chị H chỉ trình bày miệng, không đưa ra được chứng cứ chứng minh mục đích Chị L vay tiền của chị là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; và chứng cứ chứng minh Anh D biết và đồng ý cùng Chị L có nghĩa vụ trả tiền cho chị.

[10] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch do Chị L thực hiện không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nên số tiền 250.000.000 đồng chị H khởi kiện không phải là nợ chung của vợ chồng Anh D và Chị L mà là nợ riêng của Chị L. Do đó, lời trình bày của Anh D là có cơ sở, nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu Anh D có nghĩa vụ liên đới cùng Chị L trả tiền cho chị.

[11] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa: Buộc Anh Phan Trung D có nghĩa vụ liên đới cùng Chị Mai Quỳnh L trả tiền theo yêu cầu của Chị Trần Thị Ngọc H. Xét thấy, đây là đề nghị không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Về án phí: Chị Mai Quỳnh L phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 3, khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Ngọc H.

Buộc Chị Mai Quỳnh L có nghĩa vụ trả cho Chị Trần Thị Ngọc H số tiền vay gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, không tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị Ngọc H về việc: Buộc Anh Phan Trung D có nghĩa vụ liên đới cùng Chị Mai Quỳnh L trả cho chị H số tiền vay gốc 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, **Điều 468** Bộ luật Dân sự.

### 3. Về án phí:

Chị Mai Quỳnh L phải chịu 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số **0006718** ngày **11/02/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Phượng**